

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2020/HS-PT

Ngày: 04-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: 1/ Bà Lưu Thị Thu Thủy.

2/ Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Công Danh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Minh Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 58/2020/TLPT-HS ngày 16 tháng 7 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Thành H và Trần Kim T do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thành H**, sinh ngày 13/8/2003, tại Tiền Giang; Nơi cư trú: Đường Đ, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 8/12; Con ông Nguyễn Văn T1 và bà Hồ Thị Mỹ N; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. **Trần Kim T**, sinh ngày 09/3/2002, tại Tiền Giang; Tên gọi khác: BA; ĐKTT: Đường N, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Tạm trú: Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Trần Kim S và bà Phạm Thanh T2; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Cơ quan Cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh **Nguyễn Hải Đ**, sinh năm 1989 (có mặt);
Nơi cư trú: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo **Nguyễn Thành H**:

1. Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1980 (là cha ruột của bị cáo H) (có mặt);
2. Bà **Hồ Thị Mỹ N**, sinh năm 1984 (là mẹ ruột của bị cáo H) (có mặt);
Cùng nơi cư trú: Đường Đ, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Người bào chữa cho bị cáo **Nguyễn Thành H**: Bà **Trần Thị Ngọc G**, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo **Trần Kim T**:

1. Ông **Trần Kim S**, sinh năm 1974 (là cha ruột của bị cáo T) (vắng mặt);
Nơi cư trú: Đường N, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.
2. Bà **Phạm Thanh T2**, sinh năm 1977 (là mẹ ruột của bị cáo T) (có mặt);
Nơi cư trú: Đường T, Phường H, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo khác, 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo; bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 01/9/2019, Hồ Thanh T3 (BL), sinh ngày 13/5/1997, nơi cư trú: Đường T, Phường H, thành phố M nhìn thấy Nguyễn Hải Đ (CD), sinh năm 1989, nơi cư trú: Ấp M, xã M, thành phố M ngồi uống cà phê trước nhà Đường Đ, Phường H, thành phố M nên nảy sinh ý định chém Đ (T3 khai không mâu thuẫn với Đ, chỉ mâu thuẫn với Q em của Đ, thấy Đ mới ra tù, sợ Đ chém T3 nên T3 rủ đồng bọn chém Đ trước). Để thực hiện ý định, T3 đến gặp Nguyễn Thành H, sinh ngày 13/8/2003, nơi cư trú: Đường Đ, Phường H, thành phố M và nói với H “CD mới về kìa, chém nó không” thì H đồng ý. Lúc này, H điện thoại cho Võ Văn T4 (TV) sinh ngày 21/8/2001, nơi cư trú: Đường P, Phường B, thành phố M kêu T4 lấy xe đến gặp H chở đi lấy tiền; T3 điện thoại cho Trần Kim T (BA), sinh ngày 09/3/2002, nơi cư trú: Đường T, Phường H, thành phố M kêu T lấy xe đến chỗ H để gặp T3 chở đi gom tiền.

Khoảng 15 phút sau, T4, T điều khiển xe mô tô đến gặp T3 và H. T điều khiển xe mô tô loại Vario chở T3; T4 điều khiển xe mô tô loại Exciter chở H đến nơi ở của Trần Anh K (KL), sinh ngày 03/7/2000, tại nhà Đường Đ, Phường H, thành phố M nhưng không gặp K nên H vào nhà K lấy 02 con dao tự chế của H đã gửi K trước đó đem ra, H đưa cho T3 một con dao, H cầm 01 con dao. Khi thấy T3, H cầm dao thì T4, T hỏi đi đâu; T3, H trả lời đi chém CD và rủ T4, T cùng đi thì T4, T đồng ý. Sau đó, T chở T3 cầm 01 con dao dài khoảng 60cm (lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 40cm, cán dao dài 20 cm được quấn băng keo đen), T4 chở H cầm 01 con dao; trên đường đi H ghé tiệm tạp hóa mua khẩu trang phát cho cả nhóm che mặt lại rồi chạy đến chỗ Đ đang ngồi. Tại đây, T, T4 ngồi trên xe nổ máy chờ sẵn; T3 nhảy xuống xe, cầm dao chạy đến chém Đ

nhưng bị Đ dùng tay chụp dao; H xuống xe chạy đến cầm dao chém trúng lưng Đ 01 nhất; Đ bỏ chạy và bị té ngã; H, T3 cầm dao đuổi theo tiếp tục chém nhiều nhất vào người Đ; khi thấy Đ gục xuống thì H, T3 ngưng chém và ra xe để T4, T chở đi. Ngày 04/9/2019, Nguyễn Hải Đ có đơn yêu cầu xử lý hình sự các bị cáo.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

01 con dao bằng kim loại dài 67cm (lưỡi dao dài 27cm có mũi nhọn, độ rộng nhất của lưỡi dao là 04cm; cán dao dài 40cm bằng ống kim loại được quấn bằng keo màu đen); đây là con dao mà bị cáo Nguyễn Thành H sử dụng chém Nguyễn Hải Đ rồi đem về cất giấu lại tại nhà K.

Căn cứ Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 335/2019/TgT ngày 05/9/2019 của Trung tâm Pháp y tỉnh Tiền Giang kết luận thương tích của bị hại Nguyễn Hải Đ như sau:

1/ Dấu hiệu chính qua giám định: Vết thương vùng lưng trái đến mông; vết thương 1/3 trên sau cẳng tay trái; vết thương 1/3 dưới ngoài cẳng tay trái; vết thương 1/3 giữa dưới sau ngoài cánh tay phải; vết thương từ cổ tay đến lòng bàn tay phải; vết thương mặt lưng ngón III bàn tay phải đứt gân và đứt giữa; vết thương mặt lưng ngón IV đứt gân và đứt giữa bàn tay phải; vết thương 1/3 dưới sau đùi phải nằm ngang; vết thương 1/3 giữa sau đùi phải; vết thương lòng bàn chân đến đứt bàn ngón III, IV, V bàn chân trái, đứt gân gấp chung các ngón tay phải.

2. Kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Nguyễn Hải Đ là 18%. Thương tích do vật sắc gây nên.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Hồ Thanh T3, Nguyễn Thành H, Trần Kim T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Hồ Thanh T3 04 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 05/9/2019.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Kim T 02 (hai) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 282 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Đình chỉ vụ án đối với bị cáo Võ Văn T4.

* Ngoài ra bản án còn quyết định về phân trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

* Ngày 26 tháng 5 năm 2020, bị cáo Trần Kim T có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

* Ngày 28 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Thành H có đơn kháng cáo với nội dung: Xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo Nguyễn Thành H và Trần Kim T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm của Kiểm sát viên cho rằng đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm chấp nhận xem xét giải quyết. Về nội dung: Về tội danh, cấp sơ thẩm kết luận bị cáo H và bị cáo T phạm tội “Cố ý gây thương tích” là có cơ sở. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo H và bị cáo T, đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xử phạt bị cáo H 02 năm 06 tháng tù; bị cáo T 02 năm tù là phù hợp và không nặng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của hai bị cáo, áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo H đề nghị: Bị cáo H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt ông Trần Kim S là đại diện hợp pháp cho bị cáo Trần Kim T, căn cứ Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận về hành vi mà các bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng; vật chứng thu giữ cùng các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra: Các bị cáo nhận thức được mọi hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác đều là hành vi vi phạm pháp luật và sẽ bị chế tài của pháp luật. Nhưng với bản tính hung hăng, giữa các bị cáo và anh Đ không có mâu thuẫn, chỉ vì mâu thuẫn giữa

bị cáo T3 và em anh Đ mà khi nghe bị cáo T3 rủ đi chém anh Đ thì bị cáo H, T4, T đều đồng ý tham gia đi đến nơi anh Đ ngồi uống cà phê; bị cáo T4, T đứng bên ngoài nổ máy xe mô tô chờ sẵn để bị cáo T3, H dùng dao gây thương tích cho anh Đ. Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, bị cáo T3 giữ vai trò chính là người rủ rê, lôi kéo người chưa thành niên phạm tội và thực hiện tội phạm; bị cáo H giữ vai trò cùng bị cáo T3 thực hiện tội phạm, bị cáo T4, T giữ vai trò giúp sức chờ bị cáo T3, H đi chém anh Đ và đứng bên ngoài chờ sẵn. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, gây tâm lý hoang mang cho nhân dân trên địa bàn dân cư.

Do đó, cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ do hành vi của các bị cáo gây ra mới đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm.

[4] Án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa sơ thẩm các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với vật chứng thu giữ, biên bản khám nghiệm hiện trường và các chứng cứ khác thu thập có trong hồ sơ vụ án; các bị cáo đã tích cực tạm nộp mỗi bị cáo số tiền 10.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang để khắc phục một phần trách nhiệm dân sự cho người bị hại. Bị cáo H, T phạm tội khi chưa thành niên và thuộc gia đình có công cách mạng; bị cáo H có cậu ruột tên Hồ Thanh P được tặng “Huân chương chiến sĩ vẻ vang” hạng nhì, hạng ba; bị cáo T có bác ruột tên Trần Văn D là liệt sĩ và Trần Kim A là bộ đội xuất ngũ được tặng “Huân chương chiến công” hạng ba nên được xem là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo H, T được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo, tuy nhiên cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Tố tụng hình sự cho các bị cáo. Án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo H 02 năm 06 tháng tù; bị cáo T 02 năm tù là phù hợp và không nặng. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, các bị cáo đã thực hiện xong nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người bị hại như án sơ thẩm đã quyết định và người bị hại không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Xét ý kiến của người bào chữa cho bị cáo H không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[8] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của các bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành H và bị cáo Trần Kim T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 22/2020/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành H, Trần Kim T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 91, Điều 101 Bộ Luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 91, Điều 101 Bộ Luật Hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Trần Kim T **02 (hai) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành hình phạt tù.

2/ Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo H và bị cáo T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND thành phố M;
- VKSND thành phố M;
- Công an thành phố M;
- THADS thành phố M;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Ngọc Tuyền